TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33**/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 08- 4 -2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hòa

2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 451/2021/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXX - ST ngày 01 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hoài T, sinh năm 1994
Địa chỉ: Thôn 5, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.
Bị đơn: Anh Phạm Xuân N, sinh năm 1985
Địa chỉ: Thôn 5, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.
(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt; có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Hoài T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hoài T và anh Phạm Xuân N tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng tới cuối năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp nên thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không

đạt được, không thế tiếp tục chung sống nên đã ly thân với nhau. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T và anh N có một người con chung là cháu Phạm Đăng, sinh ngày 18/5/2017. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Đăng cho đến khi cháu Đăng thành niên. Không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Lành cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 22/11/2016 của Ủy ban nhân dân xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước; bản sao chứng minh nhân dân, bản sao sổ hộ khẩu gia đình của chị T, anh N; bản sao giấy khai sinh của cháu Đăng. Ngoài ra, chị T không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

Bị đơn anh Phạm Xuân N trình bày: Anh N và chị Trần Thị Hoài T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, quá trình chung sống thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân với nhau. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh N đồng ý.

Về con chung: Anh N và chị T có một người con chung là cháu Phạm Đăng, sinh ngày 18/5/2017. Nay ly hôn anh N đồng ý giao cháu Đăng cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Đăng thành niên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị Hoài T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Xuân N. Bị đơn có nơi cư trú tại xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng.

Đây là vụ án Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án không có sự tham gia phiên tòa của Kiểm sát viên.

Đối với việc giải quyết vắng mặt của các bên đương sự. Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chị Trần Thị Hoài T và anh Phạm Xuân N đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 22/11/2016 của Ủy ban nhân dân xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước đã được chị T cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn gia đình: Chị T và anh N đều thống nhất quá trình chung sống vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không hợp nhau nên đã sống ly thân. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa anh N cũng đồng ý ly hôn với chị T. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng muốn ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Anh N và chị T có một người con chung là cháu Phạm Đăng, sinh ngày 18/5/2017. Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh N thống nhất giao cháu Đăng cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đăng thành niên. Do đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận này của chị T và anh N.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị Trần Thị Hoài T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hoài T về việc ly hôn. Chị T được ly hôn với anh Phạm Xuân N.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Đăng, sinh ngày 18/5/2017 cho chị Trần Thị Hoài T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Đăng đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Hoài T phải nộp 300.000đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000197 ngày 16/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niên yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
-UBND xã , thị trấn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Đào